

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Minh, ngày 04 tháng 5 năm 2022

Số: 18/2022/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 150/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Hòa A, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Tổ A, khóm B, phường C, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Dương Hòa A: Chị Phạm Diễm T1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ Đ, khóm E, phường F, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long (Theo giấy ủy quyền lập ngày 01/12/2021).

Bị đơn: Ông Trần Ngọc T2, sinh năm 1952

Bà Trần Thị T3, sinh năm 1951

Cùng cư trú: Tổ G, khóm H, phường K, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Trần Ngọc T2 và bà Trần Thị T3 đồng ý thanh toán cho anh Dương Hòa A số tiền vốn và lãi tổng cộng là: 155.000.000^d (*Một trăm năm mươi lăm triệu đồng*), trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 5.000.000 đồng. Sau khi ông Trần Ngọc T2 và bà Trần Thị T3 hoàn thành nghĩa vụ trả đủ số tiền 155.000.000 đồng cho anh Dương Hòa A thì anh Dương Hòa A phải có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Ngọc T2 và bà Trần Thị T3 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành số AH 33483, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H6832 do Ủy ban nhân dân huyện D (Nay là thị xã D) cấp ngày 25/4/2007 tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 54, diện tích 66,3m², hình thức sử dụng riêng, loại đất ở đô thị, thời hạn sử dụng đất lâu dài tọa lạc tại khóm H, phường K, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Ngọc T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉnh lý sang mặt 4 vào ngày 28/5/2007.

Đình chỉ việc anh A rút yêu cầu ông Trần Ngọc T2 và bà Trần Thị T3 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Dương Hòa A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phát hành số AH 33483, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H6832 do Ủy ban nhân dân huyện D (Nay là thị xã D) cấp ngày 25/4/2007 tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 54, diện tích 66,3m², hình thức sử dụng riêng, loại đất ở đô thị, thời hạn sử dụng đất lâu dài tọa lạc tại khóm H, phường K, thị xã D, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Ngọc T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chỉnh lý sang mặt 4 vào ngày 28/5/2007.

2. Về án phí:

2.1. Ông Trần Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị T3 nộp: 1.937.500 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông Trần Ngọc T2 và bà Trần Thị T3 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án. Phía ông Trần Ngọc T2 và bà Trần Thị T3 đã nộp hồ sơ đề nghị xin miễn, giảm tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án. Do vậy căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 326/2016/BUTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên miễn toàn bộ án phí cho ông Trần Ngọc T2 và bà Trần Thị T3 là đúng theo quy định của pháp luật.

2.2. Anh Dương Hòa A tự nguyện nộp 1.937.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 3.750.000 đồng mà anh Dương Hòa A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0012364 ngày 03/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã D ($3.750.000^d - 1.937.500^d$) nên anh Dương Hòa A được nhận số tiền chênh lệch là 1.812.500^d tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã D.

3. Kể từ ngày anh Dương Hòa A có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Ngọc T2 và bà Trần Thị T3 chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi ban hành không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Dương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Sương